

CHÍNH PHỦ
Số: 185/2004/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định việc xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về kế toán mà không phải là tội phạm và theo quy định của Nghị định này phải bị xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán bao gồm:

- Vi phạm quy định về chứng từ kế toán;
- Vi phạm quy định về sổ kế toán;
- Vi phạm quy định về tài khoản kế toán;
- Vi phạm quy định về báo cáo tài chính và công khai báo cáo tài chính;
- Vi phạm quy định về kiểm tra kế toán;
- Vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán;

- g) Vi phạm quy định về kiểm kê tài sản;
- h) Vi phạm quy định về tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc thuê làm kế toán;
- i) Vi phạm quy định về hành nghề kế toán;
- k) Vi phạm quy định về áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định khác.

Điều 2. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán được thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính).

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán là 02 năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện.
2. Cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thì bị xử phạt hành chính theo quy định của Nghị định này. Trường hợp này thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 03 tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố và hồ sơ vụ vi phạm.
3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà cá nhân, tổ chức lại thực hiện vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực kế toán hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.
4. Người có thẩm quyền xử phạt nếu để quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính thì bị xử lý theo quy định tại Điều 121 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.

Điều 5. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

1. Mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, cá nhân, tổ chức phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 7, khoản 5 Điều 8, khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.

3. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 7, khoản 6 Điều 8, khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 14, khoản 3 Điều 15, khoản 3 Điều 16 của Nghị định này.

4. Khi phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định tại Chương II của Nghị định này đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống, nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được quá mức tối đa của khung tiền phạt.

Điều 6. Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

1. Tình tiết giảm nhẹ:

a) Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính đã chủ động ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của vi phạm hoặc đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

b) Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi;

c) Vi phạm trong hoàn cảnh bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;

- d) Vi phạm do lỗi vô ý;
 - đ) Vi phạm lần đầu;
 - e) Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra.
2. Tình tiết tăng nặng:
- a) Vi phạm có tổ chức;
 - b) Vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm;
 - c) Xúi giục, lôi kéo hoặc ép buộc người phụ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần để vi phạm;
 - d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm;
 - đ) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai hoặc khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm;
 - e) Vi phạm trong thời hạn đang chấp hành quyết định xử phạt hành chính hoặc bản án hình sự;
 - g) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 7. Vi phạm quy định về chứng từ kế toán

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Lập chứng từ kế toán không đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật về kế toán (dưới đây gọi tắt là theo quy định);
 - b) Tẩy xóa, sửa chữa chứng từ kế toán.
2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Lập chứng từ kế toán không đủ số liên theo quy định của mỗi loại chứng từ kế toán;
 - b) Ký chứng từ kế toán khi chưa ghi đủ nội dung chứng từ thuộc trách nhiệm của người ký;
 - c) Ký chứng từ kế toán mà không có thẩm quyền ký hoặc không được ủy quyền ký;

d) Lập hoá đơn bán hàng nhưng không giao hoá đơn bán hàng cho khách hàng theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giả mạo, khai man chứng từ kế toán;

b) Thoả thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man chứng từ kế toán;

c) Lập chứng từ kế toán có nội dung các liên không giống nhau trong trường hợp phải lập chứng từ kế toán có nhiều liên cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

d) Bán hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ không lập hoá đơn bán hàng theo quy định;

đ) Không lập chứng từ kế toán khi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

e) Cố ý lập nhiều lần chứng từ kế toán cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

g) Huỷ bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng chứng từ kế toán.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu chứng từ kế toán đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề kế toán đối với người hành nghề vi phạm quy định tại điểm a, b, c, đ, e, g khoản 3 Điều này.

5. áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải lập chứng từ kế toán cho nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh đối với vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

b) Buộc phải khôi phục lại các chứng từ kế toán theo đúng thực tế, đúng quy định đối với các vi phạm quy định tại các điểm a, b khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 và điểm c, d, g khoản 3 Điều này;

c) Buộc phải huỷ các chứng từ kế toán đã lập trùng lặp cho một nghiệp vụ quy định tại điểm e khoản 3 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về sổ kế toán

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: